TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 11 - 3 - 2021.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Tuyên;

Bà Võ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Vấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 26/02/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Vũ L - Sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã A, huyện N, tỉnh C; chỗ ở hiện nay: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị H R Ê Ban - Sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Kochi ken K-S 4-Chome 3ban saka moto hai chu 201, Japan (Nhật Bản), vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trần Vũ L trình bày có nội dung như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vũ L và chị H R Ê Ban là vợ chồng, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới vào tháng 12/2011, nhưng

đến ngày 31/10/2016 thì mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến ngày 17/5/2018 thì chị H R Ê Ban đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, cho đến nay thì chị H R Ê Ban chưa về và không có ý định về Việt Nam nữa. Do thời gian xa cách đã lâu, vợ chồng không có sự quan tâm và chăm sóc được cho nhau nên không còn tình cảm yêu thương nhau và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, nên anh Trần Vũ L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho anh được ly hôn với chị H R Ê Ban.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Linh và chị H R Ê Ban có 02 con chung là cháu Trần C Ê Ban, sinh ngày 22/8/2012 và cháu H L Ê Ban, sinh ngày 26/10/2014, hiện nay cả 02 con chung đang ở Việt Nam cùng ông, bà ngoại tại Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh Linh đồng ý giao 02 con chung cho chị H R Ê Ban chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại đơn trình bày đề nghị xét xử vắng mặt, anh Linh thay đổi nguyện vọng về việc nuôi con chung, do hiện nay chị H R Ê Ban đang làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản) nên không thể trực tiếp nuôi con chung được, do đó anh L xin nhận nuôi cả 02 con chung cho đến khi nào chị H R Ê Ban về lại Việt Nam thì anh L sẽ giao con chung cho chị H R Ê Ban nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh L không yêu cầu chị H R Ê Ban phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác định vợ chồng anh không có tài sản chung và không vay mượn tài sản của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****/ Tại đơn trình bày ý kiến và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn chị H R Ê Ban trình bày có nội dung như sau:***

Chị H R Ê Ban và anh Trần Vũ L là vợ chồng với nhau từ năm 2011 và đến năm 2016 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/10/2016. Đến ngày 17/5/2018 thì chị H R Ê Ban đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Do chị H R Ê Ban đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, thời gian vợ chồng xa cách đã lâu, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H R Ê Ban đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ L và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được lý hôn với anh L.

Về con chung: Chị H R Ê Ban và anh Trần Vũ L có 02 con chung là cháu Trần C Ê Ban, sinh ngày 22/8/2012 và cháu H L Ê Ban, sinh ngày 26/10/2014. Chị H R Ê Ban có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chi H R Ê Ban xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng

như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Nguyên đơn anh Trần Vũ L khởi kiện xin ly hôn, đối với chị H R Ê Ban đã có văn bản trình bày ý kiến và đồng ý ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Vũ L và tuyên anh Trần Vũ L được ly hôn với chị H R Ê Ban.

Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần C Ê Ban, sinh ngày 22/8/2012 và cháu H L Ê Ban, sinh ngày 26/10/2014 cho chị H R Ê Ban chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đối với nguyên đơn anh Trần Vũ L, hiện đang đi làm ở xa, công việc bận nên đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; đối với bị đơn chị H R Ê Ban đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, chị H R Ê Ban đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Anh Trần Vũ L và chị H R Ê Ban là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 12/2011 trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 31/10/2016 thì anh Trần Vũ L và chị H R Ê Ban đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, đến đến ngày 17/5/2018 thì chị H R Ê Ban đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản cho đến nay. Anh L xác định do chị H R đi làm ở nước ngoài đã lâu không về, vợ chồng không sống chung và không có sự quan tâm chăm sóc nhau, nên không còn tình cảm yêu thương nhau, anh L đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H R Ê Ban; đối với chị H R Ê Ban, đã có văn bản đồng ý ly hôn với anh Trần Vũ L.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh Trần Vũ L hiện sinh sống ở Việt Nam còn chị H R Ê Ban thì sinh sống, làm việc ở nước ngoài, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn chị H R cũng đồng ý ly hôn với anh L. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Vũ L, giải quyết cho anh Trần Vũ L được ly hôn chị H R Ê Ban, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giữa anh Trần Vũ L và chị H R Ê Ban có 02 con chung là cháu Trần C Ê Ban, sinh ngày 22/8/2012 và cháu H L Ê Ban, sinh ngày 26/10/2014. Cả anh L và Chi H R đều có nguyện vọng dược nuôi con chung, tuy nhiên hiện nay chị H R Ê Ban đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản), chưa xác định được thời gian về Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho các con chung, cần giao cả 02 con chung cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Vũ L không yêu cầu chị H R Ê Ban phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả anh L và chị H R đều xác đinh vợ chồng không có tài sản gì và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Vũ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 4 Điều 68, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Vũ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vũ L được ly hôn với chị H R Ê Ban.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần C Ê Ban - sinh ngày 22/8/2012 và cháu H L Ê Ban - sinh ngày 26/10/2014 cho anh Trần Vũ L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên (tròn 18 tuổi).

Chi H R Ê Ban có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Vũ L không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp (Chị Dương Thị C nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2019/0017416 ngày 03/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Vũ L được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H R Ê Ban được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
.....
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Bình